

Bản án số: 161/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 tháng 5 năm 2021

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thành Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đạt – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ST ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: X

- *Bị đơn:* Anh **Trần Đăng D**, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: X

Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 6/10/2020, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện K cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của 02 bên gia đình, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã W, huyện K, thành

phố Hà Nội ngày 08/10/2009. Sau khi cưới, chị về chung sống tại gia đình nhà anh Trần Đăng D tại Thôn W 3, xã W, huyện K, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng tháng 11/2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt là anh D ham chơi cờ bạc, rượu chè. Anh D thỉnh thoảng còn đánh chị N gây thương tích nhưng do tình cảm vợ chồng nên chị không làm đơn trình báo ra Cơ quan Công an mà âm thầm chịu đựng. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị N và anh D đã được hai bên gia đình khuyên giải và bản thân 02 vợ chồng đã cố gắng cải thiện cuộc sống vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng lên cao đỉnh điểm đến khoảng tháng cuối tháng 11/2018 thì chị N mang các con về nhà bố mẹ để chị tại thôn 3, xã Trung Mậu, huyện K sinh sống cho đến nay. Từ ngày chị N mang con về bên ngoại sinh sống anh D có gọi điện 2 lần bảo chị N về nhưng chị thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị không về. Vợ chồng chị ly thân cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay, chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh D trong thời gian sớm nhất để chị sớm ổn định cuộc sống và nuôi dạy các con.

*Về con chung vợ chồng:* Chị N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị và anh D có 03 con chung là cháu Trần Thanh Hải, sinh ngày 30/7/2010; cháu Trần Thị Thanh Tâm, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Anh Tuấn, sinh ngày 15/11/2016. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

*Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con:* Chị N đang làm nghề buôn bán tự do, bán cá thu nhập bình quân 01 tháng khoảng 10 triệu đồng. Hiện nay chị N đang ở cùng mẹ tại căn nhà ngói 4 gian, khoảng 80m<sup>2</sup> trên diện tích đất 374m<sup>2</sup> tại Thôn 3, xã Trung Mậu, huyện K, TP. Hà Nội. Khi ly hôn với anh D chị thấy mình có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung.

*Về tài sản, nhà ở và công nợ chung vợ chồng:* Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác, không trình bày nội dung nào khác

*Bị đơn - Anh Trần Đăng D:* Không có lời khai tại toà án vì quá trình giải quyết vụ án, anh D không hợp tác, không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của toà án và không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến trả lời về việc chị Nguyễn Thị N xin ly hôn.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì vắng mặt bị đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 17/3/2021 TAND huyện K đã tiến hành lập các biên bản thu thập chứng cứ tại UBND xã W, huyện K, thành phố Hà Nội xác nhận: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2009 tại UBND xã W, huyện K, TP. Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 11/2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày, anh D ham vui không quan tâm đến gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng chị N đã mang con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã Trung Mậu sinh sống từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay, chị N có đơn xin ly hôn với anh D địa phương thấy vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ lâu gia đình hai bên đã vận động hòa giải nhưng không thành đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết cho các bên ổn định cuộc sống.

Về con chung vợ chồng: Chị N và anh D có 03 con chung là cháu Trần Thanh Hải, sinh ngày 30/7/2010; cháu Trần Thị Thanh Tâm, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Anh Tuấn, sinh ngày 15/11/2016. Trong trường hợp anh D, chị N ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật xem xét, giải quyết để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu.

Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Anh D ở địa phương thỉnh thoảng đi làm xa, khó có điều kiện chăm con.

Về tài sản chung vợ chồng và công nợ chung: Địa phương không nắm được.

Ngày 11/12/2020 các cháu Trần Thanh Hải và Trần Thị Thanh Tâm có bản tự khai các cháu có nguyện vọng muốn sống cùng chị N khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Đăng D và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án.

Anh Trần Đăng D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi

thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại phiên tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Đăng D; Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thanh Hải, sinh ngày 30/7/2010; cháu Trần Thị Thanh Tâm, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Anh Tuấn, sinh ngày 15/11/2016. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Đăng D cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Trong vụ án, bị đơn là anh Trần Đăng D có Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú tại huyện K, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn, anh Trần Đăng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị N và anh D làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 08/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã W, huyện K, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét tại quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa chị N cùng trình bày đã sống ly thân với anh D từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Như vậy, lời khai của chị N, phù hợp với chứng cứ chính quyền địa phương, người làm chứng cung cấp đủ cơ sở kết luận chị N và anh D sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Từ khi anh chị ly thân, cả 02 vợ chồng vẫn không thể nói chuyện được với nhau. Khi mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra anh, chị đã được hai bên gia đình

khuyên giải và bản thân anh, chị đã cố gắng cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình được nữa. Chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với anh D để anh sớm ổn định cuộc sống và nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh D đều vắng mặt vì anh D không có nhà. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh D đều không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị N và anh D đã sống ly thân. Anh D không quan tâm đến chị N và người thân trong gia đình, qua đó thể hiện anh D không có ý thức hàn gắn tình cảm khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không chung sống với nhau được một thời gian rất dài. Quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, xét xử Tòa án đã áp dụng các biện pháp để thông báo cho anh D đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt không đến tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Như vậy, chị N trình bày là vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quy định: “Vợ chồng phải, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và xã hội”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của chị N và anh D không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt. Do vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tâm là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Nhận định về con chung: Vì anh D không đến Tòa án, nên căn cứ vào lời khai của chị N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị N và anh D có 03 con chung là cháu Trần Thanh Hải, sinh ngày 30/7/2010; cháu Trần Thị Thanh Tâm, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Anh Tuấn, sinh ngày 15/11/2016. Các cháu có sức khỏe tốt và phát triển bình thường. Khi chị N và anh D ly thân và quá trình giải quyết ly hôn tại tòa án thì các cháu đang ở cùng nhà với chị cùng bố mẹ đẻ chị. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị N trình bày có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba cháu, nếu được nuôi con chung chị không yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con chung cho đến khi cháu Tuấn trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung của chị N và anh D và cũng như để đảm bảo quyền lợi của cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Trần Thanh Hải, sinh ngày 30/7/2010; cháu Trần Thị Thanh Tâm, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Anh Tuấn cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng là hợp tình, hợp lý, đúng với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị N. Chị N không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án đã giải thích pháp luật cho chị N về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng chị N vẫn không yêu cầu anh D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

#### Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trần Đăng D. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Đăng D.

2. Về con chung: Chị N và anh D có 03 con chung là cháu Trần Thanh Hải, sinh ngày 30/7/2010; cháu Trần Thị Thanh Tâm, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Anh Tuấn, sinh ngày 15/11/2016. Giao cháu Trần Thanh Hải, cháu Trần Thị Thanh Tâm và cháu Trần Anh Tuấn cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Đăng D đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Anh D có quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số

AA/2010/0005525 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn. Chị Nguyễn Thị N không phải nộp thêm tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N, vắng mặt bị đơn – anh Trần Đăng D. Báo cho chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Toà án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND huyện K
- T.H.A DS huyện K
- UBND xã W, huyện K; (Giấy CNKH số 84/2009
- Lưu hồ sơ vụ án; Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thành Nam**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đoàn Thành Nam***

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã W, huyện K, thành phố Hà Nội(Số 22 ngày 19/4/2018).